

Bản án số: 167/2022/HS - ST

Ngày: 12- 5- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên

Bà Hoàng Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Ninh Thị Tám - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST - HS ngày 29/4/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T - sinh năm 1991 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc L và bà: Phùng Thị X; vợ: Đỗ Thị T2 và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 18/2/2022, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa, “có mặt”.

Bị hại: Anh Trần Công L - SN 1990 “vắng mặt”

Địa chỉ: phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn P - SN 1978 “vắng mặt”

Trú tại: L, phường Q, thành phố T.

2. Anh Trịnh Văn T3 - SN 1989 “có mặt”

Trú tại: Khu phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Trần Công L là người cùng thuê trọ với Nguyễn Ngọc T tại phường Q, thành phố T nên vào khoảng 8h ngày 02/11/2021, T nói với anh L “cho mượn điện thoại và xe máy đi có việc một lúc rồi về trả”. Do tin tưởng T, anh L đồng ý đưa chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng và chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS, biển kiểm soát 36F1-146.70 cho T mượn. Sau khi lấy được tài sản, T điều khiển xe cùng chiếc điện thoại đến quán Internet H ở phường Q, thành phố T gặp anh Nguyễn Văn P, T nói với anh P: “cần tiền có việc cho vay 3.000.000đ, để lại điện thoại làm tin”. Sau khi kiểm tra thấy T mở được mặt khóa điện thoại nên anh P đồng ý cầm chiếc điện thoại rồi cho T rồi đưa cho T vay 3.000.000đ. Có tiền, T điều khiển xe đi Hà Nội chơi, đến ngày 10/11/2021 T về thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa gặp anh Trịnh Văn T3. Biết anh T3 đang có nhu cầu mua xe máy cũ để chở lúa nên T nói với anh T3 “tôi có chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA SIRUS không có nhu cầu sử dụng nữa, bán với giá 2.500.000đ, giấy tờ đang để ở nhà”. Tin tưởng T nên anh T3 đồng ý mua xe rồi đưa cho T 2.500.000đ, T cầm tiền rồi hẹn anh T3 khoảng 2 ngày sau đem giấy tờ lại. Số tiền này T ăn tiêu cá nhân hết.

Sau nhiều lần nhắn tin và gọi điện cho T không được, quan tìm hiểu được biết T đem điện thoại của mình đi cầm cố, anh L đã tìm đến quán Internet H chuộc lại điện thoại rồi đến cơ quan Công an trình báo.

Ngày 04/1/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRUS, biển kiểm soát 36F1-146.70 trị giá: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) và điện thoại Iphone 7 Plus trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Tổng 12.000.000đ. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho anh L, anh L không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Về dân sự: Nguyễn Ngọc T đã bồi thường thường cho anh Trần Công L số tiền chuộc điện thoại 3.000.000 đồng và cho anh Trịnh Văn T3 số tiền bán xe 2.500.000đ.

Đối với anh Nguyễn Văn P là người cho T cầm cố điện thoại và anh Trịnh Văn T3 là người mua xe máy của T. Anh P và anh T3 đều không biết là xe do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 127/CT-VKS ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố Nguyễn Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Anh T3 không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 08h00 ngày 02/11/2021, tại khu nhà trọ phường Q, thành phố T. Nguyễn Ngọc T đã dùng lời nói gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Công L 01 chiếc Iphone 7 Plus và 01 xe máy hiệu YAMAHA SIRUS, biển kiểm soát 36F1-146.70 trị giá 12.000.000đ bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc T có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án: Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, bị cáo đã dùng lời nói gian dối để chiếm đoạt tài sản. Mặc dù, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an chung cần xử lý nghiêm minh.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng với tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì việc cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi áp dụng hình phạt cần căn cứ điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì đã bồi thường thiệt hại, tại các cơ quan pháp luật thành khẩn khai báo và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Công L đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và đã nhận lại số tiền chuộc điện thoại 3.000.000đ, anh T3 đã nhận lại số tiền mua xe 2.500.000 và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên công nhận phần dân sự giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Ngọc T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 18/2/2022.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Công nhận phần dân sự giữa bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được giải quyết xong.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án đối với khoản tiền án phí theo quy định tại các Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, anh T3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L, anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Người tham gia TT;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKD ND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Trần Thị Thủy